

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới/bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ- BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 716/TTr-STNMT ngày 20/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 05 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 10/9/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC trên cơ sở dữ liệu Quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Đất đai					
1	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (2.000381.000.00.00.H56)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại cấp xã; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện	Theo quy định tại mục 8 Chương I và mục 4 Chương II, Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7. 1. Phí thẩm định: 500.000 đồng (<i>Áp dụng thu 90% trong năm 2022 - 2023, từ năm 2024 trở đi áp dụng thu 100% mức thu theo quy định trên</i>) - Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí: - <i>Miễn phí đối với các đối tượng sau:</i> + Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa). + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- Luật Đất đai năm 2013, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất

		<p>định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc).</p> <p>- Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất được nộp cùng hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 88/2016//TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính</p>	<p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; bà mẹ Việt Nam anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- <i>Đối tượng được giảm nộp phí:</i></p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc huyện đồng bằng và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>+ Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 40.000 đồng/GCN đối với tại phường trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn; 15.000 đồng/GCN đối với các địa bàn còn lại.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính: Tại phường trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn: 15.000 đồng; tại các địa bàn còn lại: 7.000 đồng;</p> <p>- Phương thức nộp lệ phí: Đối tượng nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện nộp theo từng lần</p>	<p>đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/3/2017.</p> <p>- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/7/2014.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một</p>
--	--	---	--	--

		<p>về đất đai của người sử dụng đất.</p>		<p>phát sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận. - Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu lệ phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. - Phương thức nộp lệ phí: Đối tượng nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh. 	<p>số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2017.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất, có hiệu lực từ ngày 08 tháng 8 năm 2016. - Thông tư số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. - Quyết định số 3500/QĐ- UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 2524/QĐ-UBND
--	--	--	--	--	---

					<p>ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ các quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa liên quan đến lĩnh vực đầu tư, đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về việc Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
2	Thủ tục chuyển mục	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	Theo quy định tại mục 8 Chương I và mục 4 Chương II, Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của	- Luật Đất đai năm 2013, có hiệu lực thi hành kể từ

<p>đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân (1.000798.000.00.00.H56)</p>	<p>hợp lệ. (Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại cấp xã; không tính các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc)</p> <p>- Hồ sơ xác định nghĩa</p>	<p>và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện</p>	<p>HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7.</p> <p>1. Phí thẩm định: 500.000 đồng (<i>Áp dụng thu 90% trong năm 2022 - 2023, từ năm 2024 trở đi áp dụng thu 100% mức thu theo quy định trên</i>)</p> <p>- Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- <i>Miễn phí đối với các đối tượng sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa). + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. + Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; bà mẹ Việt Nam anh hùng. + Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội. + Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất. <p>- <i>Đối tượng được giảm nộp phí:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng. + Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc huyện đồng bằng và các thị trấn thuộc huyện miền núi. + Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc 	<p>ngày 01/7/2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/3/2017. - Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho
---	--	--	---	--

		<p>vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất được nộp cùng hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 88/2016//TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.</p>	<p>các huyện miền núi.</p> <p>+ Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 40.000 đồng/GCN đối với tại phường trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn; 15.000 đồng/GCN đối với các địa bàn còn lại.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính: Tại phường trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn: 15.000 đồng; tại các địa bàn còn lại: 7.000 đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức nộp lệ phí: Đối tượng nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện nộp theo từng lần phát sinh. - Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận. - Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu lệ phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. - Phương thức nộp lệ phí: Đối tượng nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh. 	<p>thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/7/2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2017. - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của
--	--	--	---	---

					<p>người sử dụng đất, có hiệu lực từ ngày 08 tháng 8 năm 2016.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.- Quyết định số 3500/QĐ- UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.- Quyết định số 34/2022/QĐ- UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ các quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa liên quan đến lĩnh vực
--	--	--	--	--	--

					đầu tư, đất đai. - Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về việc Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.
--	--	--	--	--	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

Bãi bỏ 5/5 thủ tục hành chính tại Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới/bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hoá

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	Lĩnh vực Đất đai		
1	1.006699	Chấp thuận địa điểm đầu tư đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn xã hội hoá khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Quyết định số 34/2022/QĐ- UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ các quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa liên quan đến lĩnh vực đầu tư, đất đai
2	1.006644	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân được Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	

		giao lại đất, cho thuê đất.	
3	1.006649	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân thuê lại đất của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng đối với đất Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp ngoài Khu kinh tế Nghi Sơn.	
4	1.006650	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	
5	1.006664	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	